

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
KHO BẠC NHÀ NƯỚC KIÊN GIANG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THÁNG 10 NĂM 2024

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/10/2024

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
	TỔNG CỘNG (A+B)	2.185.741	594.214	27,19%	11.335.003	3.539.737	31,23%
A	DỰ ÁN DO BỘ, NGÀNH QUẢN LÝ	57.885	21.458	37,07%	929.242	572.384	61,60%
I	Tòa án nhân dân tối cao	-	-	-	60.000	40.874	68,12%
1	7939089 - XD mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang				60.000	40.874	68,12%
II	Viện kiểm sát Nhân dân tối cao	1.284	1.284	100%	25.400	22.293	142,33%
1	7564523 - Trụ sở Viện kiểm sát ND tỉnh Kiên Giang.				23.000	21.076	91,64%
2	7918521 - XD trụ sở Viện kiểm sát nhân dân TP.Hà Tiên	1.284	1.284	100%	2.400	1.217	50,69%
III	Bộ Công An	-	-	-	30.000	21.051	70,17%
1	081100001 - Cơ sở tạm giữ thuộc Công an tỉnh Kiên Giang (03 nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Rạch giá, công an huyện Hòn Đất và công an huyện Tân Hiệp)				14.000	12.847	91,77%
2	081100007 - Trại tạm giam công an tỉnh Kiên Giang				16.000	8.204	51,27%
IV	Bộ Quốc phòng	-	-	-	141.311	87.486	61,91%
1	081100021 - Xây dựng doanh trại các đơn vị thuộc BCHQS tỉnh Kiên Giang/Quân khu 9				60.000	54.026	90,04%
2	120211101 - Nhà nghiệp vụ đối ngoại HQ Vùng 5\BQP				29.010	13.038	44,94%
3	700468602 - Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 2)				636	636	100,00%
4	700468603 - Dự án ĐTXD công trình khu KTQP Tứ giác Long Xuyên/QK9(Giai đoạn 3)				37.665	17.683	46,95%
5	081100029 - Xây dựng 02 Đồn Biên phòng Tây Yên (722) và Vĩnh Điều (965) Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Kiên Giang				14.000	2.103	15,02%
V	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	-	-	-	71.000	70.966	99,95%
1	7923678 - Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				70.000	70.000	100,00%
2	DA thành phần số 5: Các công trình cấp nước TT nông thôn tỉnh Kiên Giang thuộc DACT trữ nước và HT cấp nước sinh hoạt tại các vùng có nguồn nước bị ô nhiễm,....				1.000	966	96,61%
VI	Bộ Tư pháp	-	-	-	20.000	821	4,10%
1	8050907 - Dự án đầu tư Trụ sở cơ quan Thi hành án dân sự giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				20.000	821	4,10%
VII	Bộ Tài chính	49.498	13.072	27,68%	-	-	-

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	7558675 - Chi cục thuế huyện An Minh	2.270	-	0,00%	-	-	
2	7866895 - Trụ sở Chi cục Hải quan Phú Quốc	47.228	13.072	27,68%	-	-	
VIII	Bộ Giao thông Vận Tải	7.103	7.103	100,00%	581.531	328.893	56,56%
1	7945696 - Dự án thành phần đoạn Hậu Giang – Cà Mau thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025	7.103	7.103	100,00%	145.029	40.530	27,95%
2	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Vĩnh Thuận				156.480	156.480	100,00%
3	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Gò Quao				212.722	101.074	47,51%
4	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoàn Rạch Sỏi-Bến Nhất-Gò quao-Vĩnh Thuận-Huyện Châu Thành				51.300	16.673	32,50%
5	8054883 - Tiểu dự án GPMB, TĐC công trình cầu Vàm xáng Thị đội - Giồng Riềng (thuộc DA Nâng cao tính không các cầu đường bộ cắt qua tuyến đường thủy nội địa quốc gia - GĐ1 KV phía nam)				16.000	14.136	88,35%
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	2.127.856	572.756	26,92%	10.405.761	2.967.353	28,52%
	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH (HỖND TỈNH GIAO)	1.627.856	304.588	18,71%	10.405.761	2.967.353	28,52%
I	Dự án tỉnh quản lý	538.797	121.421	22,54%	5.421.014	1.066.997	19,68%
I.1	BCH Bộ đội biên phòng tỉnh	201	-	0,00%	107.448	31.826	29,62%
1	081100013 - Dự án Đồn Biên phòng Xèo Nhàu (714) xã Tân Thạnh, huyện An Minh				30.000	-	0,00%
2	081100015 - Trạm kiểm soát Biên phòng Hòn Nghệ				2.998	1.009	33,67%
3	220211129 - Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng				29.000	21.638	74,61%
4	081100011 - Trạm kiểm soát Biên phòng Xèo Nhàu				4.300	3.506	81,54%
5	081100030 - Trạm kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi				11.900	577	4,85%
6	220190015 - Đồn Biên phòng CKC Hòn Chông				17.600	759	4,31%
7	081100023 - Dự án Đầu tư xây dựng Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)				700	117	16,76%
8	081100031 - Dự án cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị, doanh cụ công trình BCH BĐ Biên phòng tỉnh Kiên Giang				10.600	4.220	39,81%
9	081100035 - Đồn Biên phòng Tây Yên, huyện An Biên				350	-	0,00%
10	TKS Biên phòng Rạch Giá	39	-	0,00%	-	-	
11	TKS biên phòng Kim Quy	39	-	0,00%	-	-	

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
11	Dự án nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ bộ đội Biên phòng hy sinh trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc biên giới Tây Nam 1977-1979 (tiền thân lực lượng Công an nhân dân vũ trang)	124	-	0,00%	-	-	
I.2	BCH Quân sự tỉnh	15.473	5.159	33,34%	104.910	78.777	75,09%
1	081100026 - Cải tạo, sửa chữa, nâng nền, mua sắm thiết bị nhà ăn Bộ CHQS tỉnh Kiên Giang	119	-	0	1.692	1.156	68,31%
2	081100016 - Dự án Xây dựng một số hạng mục trong khu vực phòng thủ tỉnh Kiên Giang				100.000	77.621	77,62%
3	081100034 - Ban CHQS phường Mỹ Đức, ban CHQS phường Bình San thuộc TP. Hà Tiên				571	-	0,00%
4	081100036 - Ban CHQS xã Phú Mỹ, Ban CHQS xã Tân Khánh Hòa thuộc huyện Giang Thành				576	-	0,00%
5	081100037 - Ban CHQS xã Bàn Thạch, ban CHQS xã Hòa Thuận, ban CHQS xã Thạnh Bình thuộc huyện Giồng Riềng				689	-	0,00%
6	081100038 - Ban CHQS xã Hưng Yên, ban CHQS xã Đông Thái thuộc huyện An Biên, ban CHQS xã Thuận Hòa thuộc huyện An Minh				691	-	0,00%
7	081100039 - Ban CHQS phường Vĩnh Lợi Tp. Rạch Giá, ban CHQS thị trấn Minh Lương huyện Châu Thành, ban CHQS xã Tân Hiệp A huyện Tân Hiệp				691	-	0,00%
8	Xây dựng trạm sửa chữa tổng hợp do Bộ CHQS tỉnh quản lý	4	-	0,00%			
9	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	353	-	0,00%			
10	Đầu tư xây dựng mới và sửa chữa doanh trại Đội Quy tập mộ liệt sỹ tại Campuchia (Đội K92)	14.998	5.159	34,40%			
I.3	Công an tỉnh	8.500	3.104	36,52%	28.469	15.813	55,54%
1	081100018 - Trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	3.937	-	0,00%	9.000	5.003	55,59%
2	081100022 - Trụ sở làm việc công an các xã Tân An, Hòa An, Thạnh Đông A, Ngọc Thuận, Ngọc Thành, Mỹ Phước thuộc CA tỉnh Kiên Giang	4.288	2.859	66,69%	5.000	5.000	100,00%
3	081100032 - Sửa chữa cải tạo, xây mới một số hạng mục công trình Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Kiên Lương thuộc công an tỉnh Kiên Giang				2.169	1.116	51,43%
4	081100033 - Trụ sở làm việc công an các xã Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thành, Bình An (Kiên Lương), Vĩnh Phong, Nam Yên và cải tạo sửa chữa, xây dựng mới CSLV công an xã Bình An (Kiên Lương) thuộc công an tỉnh Kiên Giang				5.600	3.932	70,22%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
5	220211135 - Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực phường Vĩnh Quang thuộc CA tỉnh Kiên Giang				5.000	150	2,99%
6	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Tây Sông Hậu thuộc công an tỉnh Kiên Giang	274	245	89,30%			
7	081100040 - Xây dựng công an phường An Thới, thành phố Phú Quốc				800	304	38,00%
8	081100041 - Xây dựng công an phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc				900	308	34,22%
1.4	Sở giáo dục và đào tạo	161.941	4.230	2,61%	71.677	47.724	66,58%
1	8020891 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Gò Quao				2.201	2.201	100,00%
2	8014718 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở An Biên				4.800	3.747	78,06%
3	8038108 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên	436	436	100,00%	1.200	1.200	100,00%
4	8037915 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Giồng Riềng	1.128	1.128	100,00%	1.473	1.180	80,12%
5	8020890 - Nâng cấp, sửa chữa Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	1.156	1.156	100,00%	1.103	1.103	100,00%
6	7920310 - Trường Trung học phổ thông Dương Đông				1.350	-	0,00%
7	7920317 - Trường Trung học phổ thông An Thới, PQ	1.714	-	0,00%	21.500	12.409	57,72%
8	7920315 - Trường Phổ thông dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành, huyện Châu Thành	3.893	-	0,00%	5.400	4.246	78,63%
9	7920309 - Trường Trung học cơ sở & Trung học Phổ thông Nguyễn Văn Xiển, An Minh				1.000	-	0,00%
10	7920314 - Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Kiên Giang				450	122	27,18%
11	7920307 - Trường Trung học Phổ thông Cây Dương				1.000	-	0,00%
12	7920319 - Trường Trung học Phổ thông Phú Quốc	2.807	-	0,00%	23.000	19.416	84,42%
13	7976847 - Trường Tiểu học Phạm Văn Hớn, huyện U Minh Thượng				1.500	-	0,00%
14	7981038 - Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Phan Thị Ràng				2.500	1.553	62,12%
15	7981037 - Xây dựng mới 06 phòng học và cải tạo, sửa chữa 12 phòng học Trường Tiểu học Thị trấn Giồng Riềng 1; Xây mới 04 phòng học Trường Trung học cơ sở Mai Thị Hồng Hạnh				2.000	46	2,31%
16	7920313 - Trường Tiểu học Phú Lợi				500	500	100,00%
17	7920306 - Trường Trung học Phổ thông An Biên				700	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
18	Dự án mua sắm trang thiết bị dạy học lớp 3,4,7,10 và thiết bị khoa học tự nhiên (Trung học cơ sở); phòng học bộ môn Lý, Hóa, Sinh, Công nghệ (trung học phổ thông) chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	150.000	1.489	0,99%			
19	7920308 - Trường Trung học cơ sở & Trung học Phổ thông Vĩnh Phong	226	21	9,30%			
20	7920318 - Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thắng, Gò Quao	581	-	0,00%			
I.5	Sở giao thông vận tải	-	-	-	587.815	192.831	32,80%
1	7883640 - DA ĐTXD CT đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương				300.000	87.777	29,26%
2	7768579 - ĐTXD đường 3/2 nối dài (đường ven biển tỉnh KG đoạn qua TPRG và huyện Châu thành)				230.244	101.760	44,20%
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				10.000	-	0,00%
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 963 đoạn từ Quốc lộ 80-Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng				10.000	-	0,00%
5	Đầu tư xây dựng Cầu Đông Hồ, thành phố Hà Tiên				3.000	-	0,00%
6	8078476 - Đầu tư xây dựng công trình đường ven biển phía tây đảo Phú Quốc (CBĐT)				2.080	839	40,34%
7	Đầu tư xây dựng đường Phan Thị Ràng nối dài đến tuyến tránh thành phố rạch giá				231	-	0,00%
8	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT 970 nối dài (từ cầu tám ngàn đến đường ven biển Hòn Đất-Kiên Lương)				232	-	0,00%
9	Đầu tư xây dựng công trình Quốc Lộ 63 (thứ 7) kết nối đường bộ ven biển nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau				315	-	0,00%
10	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao N1-Nguyễn Phúc Chu và Phương Thành-Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên)				760	-	0,00%
11	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ven biển Rạch giá-Hòn Đất đến tuyến tránh thành phố Rạch giá (ranh giới Rạch giá Hòn Đất)				158	-	0,00%
12	Đầu tư xây dựng công trình Nguyễn Văn Cừ nối dài đến tuyến tránh Thành Phố Rạch giá				183	-	0,00%
13	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Ba Hòn trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang				3.770	-	0,00%
14	Đầu tư xây dựng công trình đường Võ văn Kiệt nối dài (Quốc lộ 61-đường 3/2)				1.665	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
15	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường nối U Minh Thượng-An Minh-Vĩnh Thuận (QL 63-ĐT 965-hành lang ven biển phía nam-ĐT 968)				339	-	0,00%
16	Đầu tư xây dựng Công trình đường ven biển kết nối với cảng An Thới				495	-	0,00%
17	Đầu tư xây dựng công trình cầu trên đường ven biển kết nối từ An Biên-thành phố Rạch giá				12.000	351	2,92%
18	Đầu tư xây dựng công trình đường trục chính ven biển vào trung tâm thành phố Rạch giá				7.005	2.104	30,04%
19	Đầu tư xây dựng công trình đường từ ĐT 965 (Công sự) sông Cái lớn (U Minh Thượng)				296	-	0,00%
20	Đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh ĐT 965C - Kết nối QL63				245	-	0,00%
21	Đầu tư xây dựng công trình đường từ QL80-đường ven biển (Sóc Xoài), huyện Hòn Đất				201	-	0,00%
22	Đầu tư xây dựng công trình đường ven sông Cái Lớn (Châu Thành-Gò Quan)				396	-	0,00%
23	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 80 (đoạn từ nút giao với tuyến tránh Rạch giá đến cầu Ba Hòn)				4.000	-	0,00%
24	Dự án đóng mới tàu Thỏ Châu-Phú Quốc				200	-	0,00%
I.6	Sở văn hóa thể thao	5.356	180	3,36%	112.384	74.493	66,28%
1	220230006 - Hỗ trợ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	26	-	0,00%			
2	220230012 - Dự án Chùa Láng Cát: hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	118	-	0,00%			
3	Dự án chùa Láng Cát: Hạng mục Hội đoàn kết sư sãi yêu nước tỉnh Kiên Giang	788	-	0,00%			
4	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của đồng bào dân tộc Khmer	174	-	0,00%			
5	7787162 - Tượng Đài bác Hồ (Tại Phú Quốc)	78	63	0,00%	108.884	74.493	68,41%
6	7745211 - Cải tạo, SC Trung tâm VH TT tỉnh GD 2016-2020	3.900	-	0,00%	3.500	-	0,00%
7	Dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao tỉnh Kiên Giang (Hàng rào bảo vệ khuôn viên Vồng viên văn hóa An Hòa)	271	117	43,28%			
I.7	Sở Tài nguyên Môi trường	-	-	-	224.203	7.385	3,29%
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh				223.602	7.385	3,30%
2	Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				601	-	0,00%
I.8	BQL chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT	23.402	8.821	37,69%	485.959	145.353	29,91%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	Tiểu dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản huyện An Minh, An Biên-thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL)-09 công				4.488	4.488	100,00%
2	Xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện An Biên-An Minh-U Minh Thượng-Vĩnh Thuận				173.150	7.564	4,37%
3	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Châu, thành phố Phú Quốc				64.000	6.758	10,56%
4	Đầu tư xây dựng 18 công trên tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang				162.390	108.979	
5	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP				5.750	3.523	61,27%
6	Dự án đầu tư xây dựng 03 Cống Đầm Chích, Phú Mỹ Xẻo nhâu				7.470	4.044	54,14%
7	Dự án chống sạt lở kết hợp bãi thải nạo vét khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du				2.618	2.618	100,00%
8	8072700 - ĐTXD hồ chứa nước Cửa Cạn (phía thượng lưu cầu Suối Cái) phục vụ sản xuất và sinh hoạt, thành phố Phú Quốc (CBĐT)	500	500	100,00%	6.093	4.095	67,21%
9	Đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đảo Nam Du (Đối ứng TW-GPMB)	5.000	1.134	22,68%			
10	Dự án kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đất đai rừng ngập mặn tại Kiên Giang và Cà Mau				50.000	-	0,00%
11	Dự án chống sạt lở bờ biển và phục hồi tuyến đê, kè biển từ Tiểu Dừa đến khu vực Kim Quy huyện An Minh	17.902	7.187	40,15%			
12	Dự án bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy chữa cháy tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2025				10.000	3.285	32,85%
I.9	Trung tâm nước sạch và VSMT nông thôn	20.925	9.996	47,77%	115.189	48.952	42,50%
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	467	36	7,75%			
2	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn				62.492	21.015	33,63%
3	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thổ Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang				600	446	74,27%
4	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc				400	156	38,99%
5	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Chánh, huyện U Minh Thượng				1.400	1.251	89,39%
6	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao				700	635	90,77%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
7	8022753 - Đầu tư mới Trạm cấp nước xã Mỹ Phước, huyện Hòn Đất, công suất: 50m ³ /h				8.500	3.511	41,31%
8	Trạm cấp nước áp Bình Minh, huyện Vĩnh Thuận				20.000	9.031	45,16%
9	8064513 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Đông Thái				10.490	6.336	60,40%
10	8064512 - Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Vĩnh Bình Bắc				10.000	5.963	59,63%
11	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang	340	-	0,0%			
12	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Cửa Cạn, TP Phú Quốc	162	-	0,0%			
13	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Thới Quản, huyện Gò Quao	162	-	0,0%			
14	Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành	455	-	0,0%			
15	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang	57	-	0,0%			
16	Nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Tân Thạnh, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang	93	-	0,0%			
17	8070119 - Dự án nước sạch nông thôn gắn với chỉ tiêu XD nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược quốc gia cấp nước sạch và VSNT đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	3.755	901	24,01%			
18	8070118 - Trạm cấp nước Thới An, xã Thới Quản	14.302	8.408	58,79%			
19	Đầu tư mạng đường ống cấp nước đến hộ gia đình sau tuyến ống chính thuộc dự án công trình trữ nước và hệ thống cấp nước sinh hoạt tại các vùng khan hiếm nước, vùng bị ảnh hưởng xâm nhập mặn	1.132	651	57,46%			
20	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa				607	607	99,93%
1.10	BQL ĐTXD chuyên ngành Giao thông vận tải	-	-	-	714.500	212.923	29,80%
1	Xây mới cầu U Minh Thượng trên đường tỉnh 965, huyện U Minh Thượng				31.000	12.376	39,92%
2	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 80 đoạn Km188+700 (nút giao TT Ba Hòn, Kiên Lương) đến Km 204+300 (nút giao QL.N1, thành phố Hà Tiên)				5.000	2.087	41,74%
3	Đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, TPRG, tỉnh Kiên Giang				220.000	18.520	8,42%
4	Đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông-Cửa cạn-Gành Dầu và xây mới nhánh nối với đường trục Nam-Bắc				140.000	90.315	64,51%
5	Đường ven sông cái lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò quao)				29.000	14.802	51,04%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
6	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường viên biên từ Rạch giá đi Hòn Đất				240.000	43.494	18,12%
7	Cải tạo, nâng cấp đường vào khu căn cứ Tỉnh Ủy ở U Minh Thượng				45.000	26.878	59,73%
8	7011322 - Dự án khôi phục Cầu Rạch Sỏi				3.000	3.000	100,00%
9	7067425 - Đường Nguyễn Công Trứ - TXRG				69	69	100,00%
10	7067446 - Tỉnh lộ 28				86	86	100,00%
11	7067455 - Đường Đồng Đa - TXRG				184	184	100,00%
12	7067465 - Đường Lâm Quang Ky (Đồng Đa - Kinh Cụt)				124	124	100,00%
13	7116921 - Đường Chắc Kha - Bàn Tân Định				106	106	100,00%
14	7116950 - Đường Tây Yên - Tây Yên A - An Biên				87	87	100,00%
15	7117000 - Nâng cấp đường thứ 7 - Cán Gáo				60	60	100,00%
16	7117053 - Duong tu Minh Luong den pha Tac Cau				181	181	100,00%
17	7117066 - Đường Lý Thường Kiệt - Thị xã Rạch Giá				134	134	100,00%
18	7117115 - Đường Trương Định - Thị xã Rạch Giá				55	55	100,00%
19	7117120 - Đường Đường Xuông - Thới Quản				63	63	100,00%
20	7117246 - Đường Ngọc Chúc - Hòa Thuận - Hòa an - GR				14	14	100,00%
21	7117421 - Đường Ngọc Chúc - Công Binh - Vị Thanh				227	227	100,00%
22	7117460 - Đường Trần Quang Khải - Thị xã Rạch Giá				60	60	100,00%
23	7121268 - QUOC LO 80				49		0,00%
L.11	BQL các dự án ĐTXD chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	191.833	59.443	30,99%	735.697	156.505	21,27%
1	7995738 - Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang				31.500	6.510	20,67%
2	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Kiên Giang (giai đoạn 2)				1.000	917	91,71%
3	Xây dựng trụ sở Hội chữ thập đỏ tỉnh				3.370	1.032	30,64%
4	7991592 - Cải tạo, sửa chữa dãy nhà làm việc, phòng khánh tiết, nhà ăn, nhà để xe, hàng rào, rãnh thoát nước (CBĐT)				7.900	1.315	16,65%
5	7988510 - Cải tạo, sửa chữa VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Kiên Giang (CBĐT)				2.870	2.870	100,00%
6	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp				1.000	890	89,03%
7	Dự án sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Kiên Giang				415	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
8	Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	2.519	295	11,70%	14.550	14.496	99,63%
9	Cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề vùng Tứ giác Long Xuyên	236	-	0,00%	7.700	471	6,12%
10	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa	271	-	0,00%	2.000	1.862	93,10%
11	Trường THCS và THPT Minh Thuận	768	-	0,00%	8.979	6.301	70,17%
12	Trường THCS và THPT Vĩnh Hòa Hưng Bắc				10.500	5.411	51,53%
13	Trường THCS Nguyễn Trường Tộ	1.160	-	0,00%	20.400	8.193	40,16%
14	Trường THCS Đông Hồ	214	-	0,00%	10.000	-	0,00%
15	Trường THPT Thoại Ngọc Hầu	1.656	-	0,00%	7.000	2.160	30,85%
16	Trường THCS và THPT Bình Sơn, huyện Hòn Đất	669	-	0,00%	12.500	9.652	77,22%
17	Trường THPT Giồng Riềng	1.777	886	49,84%	6.400	5.773	90,20%
18	Trường THPT Kiên Lương				10.000	5.435	54,35%
19	Trường tiểu học thị trấn Kiên Lương 1	1.442	-	0,00%	4.800	3.829	79,76%
20	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang: hạng mục cải tạo, sửa chữa và mua sắm TB				3.000	789	26,29%
21	Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường				141.443	397	0,28%
22	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng				158.180	36.312	22,96%
23	7660260 - Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	5.233	-	0,00%	178.500	16.612	9,31%
24	Dự án Bệnh viện sản nhi	649	-	0,00%	2.200	1.642	74,65%
25	7130200 - Bệnh viện Ung Bướu tỉnh Kiên Giang	67	-	0,00%			
26	8009360 - Trung tâm văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện Giang Thành				10.000	7.834	78,34%
27	7576218 - ĐTXD Cơ sở hạ tầng khu di tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So và hồ Hoa Mai	461	35	7,56%			
28	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang liệt sĩ huyện Gò Quao	2.529	-	0,00%	7.380	88	1,19%
29	Trường phổ thông dân tộc nội trú THCS Hà Tiên	474	-	0,00%	10.000	6.991	69,91%
30	Trường phổ thông dân tộc nội trú THPT Kiên Giang	239	-	0,00%	7.000	4.185	59,79%
31	Trường THPT Thạnh Đông	44	-	0,00%	8.000	499	6,24%
32	Trường THCS và THPT Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất				8.000	658	8,22%
33	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang				16.460	189	1,15%
34	Nhà thi đấu đa năng huyện Châu Thành				700	-	0,00%
35	Cải tạo, nâng cấp Đài phát thanh truyền hình và khắc phục sự cố công trình tại Đài phát thanh và truyền hình Kiên Giang				11.500	2.836	24,66%
36	Đầu tư xây dựng công trình tại Đài phát thanh và truyền hình tại Hòn Me				450	354	78,75%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
37	Dự án Hội trường và phòng họp trực tuyến của văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội và hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang	50.218	584	1,16%			
38	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm y tế huyện Vĩnh Thuận	69.428	25.417	36,61%			
39	Dự án đầu tư mua sắm trang thiết bị cho 13 trung tâm y tế tuyến huyện và Bệnh viện ung bướu tỉnh Kiên Giang	36.136	25.027	69,26%			
40	Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản văn hóa tỉnh	1.595	-	0,00%	10.000	-	0,00%
41	7995738 - Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	3.330	3.330	100,00%			
42	Trung tâm VH TT và truyền thanh huyện Giang Thành	201	-	0,00%			
43	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp	2.603	-	0,00%			
44	7988510 - Cải tạo, sửa chữa VP Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh Kiên Giang (CBĐT)	5.014	3.869	77,16%			
45	7991592 - Cải tạo, sửa chữa dãy nhà làm việc, phòng khánh tiết, nhà ăn, nhà để xe, hàng rào, rãnh thoát nước (CBĐT)	2.901	-	0,00%			
I.12	Văn phòng tỉnh ủy	2.738	10	0,38%	55.081	10.795	19,60%
1	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện Gò Quao	660	-	0,00%	1.499	985	65,71%
2	Xây dựng mới kho lưu trữ huyện An Minh	477	-	0,00%	1.497	1.139	76,08%
3	Xây dựng mới nhà công vụ cho khối Đảng và Đoàn thể huyện Kiên Hải				5.448	3.283	60,26%
4	8010519 - Đầu tư xây dựng mới nhà làm việc các Ban của Tỉnh ủy và Đảng ủy Khối các cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh (CBĐT)				40.000	5.389	13,47%
5	XD mới khu lưu trữ lịch sử Đảng tỉnh ủy	10	10	100,00%			
6	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc huyện ủy Châu Thành	1.581	-	0,00%			
7	Đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của cơ quan Đảng	10	-	0,00%			
8	Xây mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Hòa Hưng; xã Ngọc Chúc; xã Ngọc Thuận, huyện Giồng riềng				826	-	0,00%
9	Xây mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Thạnh Phước, sửa chữa nhà công vụ huyện ủy Giồng riềng, huyện Giồng Riềng				430	-	0,00%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
10	Xây mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, xã Định An, xã Vĩnh Phước A, huyện Gò Quao				796	-	0,00%
11	Xây mới và mua sắm thiết bị nhà ăn huyện Ủy Gò Quao, sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ huyện Ủy Gò Quao, huyện Gò Quao				377	-	0,00%
12	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Phú Lợi, xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành				605	-	0,00%
13	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Nam Thái; sửa chữa nhà làm việc các ban đảng huyện An Biên; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ huyện ủy huyện An Minh				508	-	0,00%
14	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Bình An; sửa chữa và mua sắm thiết bị hội trường huyện ủy Kiên Lương, huyện Kiên Lương				563	-	0,00%
15	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Vĩnh Thuận; sửa chữa và mua sắm thiết bị nhà công vụ huyện ủy Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng				645	-	0,00%
16	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị hội trường xã Sơn Kiên, huyện Hòn Đất; xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn huyện Ủy Tân Hiệp, huyện Tân Hiệp				590	-	0,00%
17	Xây dựng mới và mua sắm thiết bị nhà ăn Thành Ủy, thành phố Phú Quốc				297	-	0,00%
18	Dự án đề án tin học hóa các cơ quan Đảng				1.000	-	0,00%
I.13	Ban dân tộc	164	45	27,43%	-	-	-
1	8071613 - Hỗ trợ thiết lập các điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin	45	45	100%	-	-	
2	Cài tạo, sửa chữa trụ sở Ban Dân tộc	119	-	0%	-	-	
I.14	UBND huyện An Minh	-	-	-	17.000	-	0,00%
1	Đường KT1	-	-	-	17.000	-	0,00%
I.15	UBND Thành phố Rạch Giá	17.137	7.672	44,77%	-	-	-
1	7969114 - Kè xử lý sạt lở cấp bách bờ Tây kênh Ông Hiến (từ đường Nguyễn Thái Học đến đường Sư Thiện Ân, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá)	17.137	7.672	44,77%			
I.16	Trường Cao đẳng nghề	-	-	-	5.300	190	3,58%
1	7931834 - Xây dựng, sửa chữa trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	-	-	-	5.300	190	3,58%
I.17	Trường cao đẳng Kiên Giang	-	-	-	3.540	32	0,90%
1	7926187 - Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang: hạng mục xây dựng mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm TB	-	-	-	3.540	32	0,90%
1,18	Ngân hàng Chính sách xã hội	-	-	-	45.000	42.654	94,79%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	220240012 - Cho vay đối với người nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				25.000	25.000	100,00%
2	220240013 - Cho vay đối với lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang				20.000	17.654	88,27%
I.19	Sở lao động thương binh và xã hội	74.066	21.790	29,42%	3.378	603	17,86%
1	Đầu tư nâng cấp, sửa chữa, bổ sung trang thiết bị cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang				1.400	440	31,44%
2	Sửa chữa, cải tạo ký túc xá và mua sắm thiết bị Trường trung cấp Việt-Hàn Phú Quốc				20	-	0,00%
3	Xây dựng mới dãy 03 phòng học và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường trung cấp nghề Tân Hiệp				200	43	21,43%
4	Sửa chữa, cải tạo Nghĩa trang liệt sỹ thành phố Hà Tiên				650	56	8,55%
5	Cải tạo, sửa chữa trụ sở, xây mới dãy 06 phòng học và mua sắm thiết bị trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Kiên Giang				78	65	83,10%
6	Dự án nâng cấp, cải tạo Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Kiên Giang	73.920	21.751	29,42%	-	-	
7	Nâng cấp, cải tạo mộ Nghĩa trang liệt sỹ huyện Hòn Đất	146	39	26,72%	-	-	
8	Cơ sở cai nghiện ma túy đa chức năng tỉnh Kiên Giang hạng mục: Xây dựng mới nhà ở học viên, nhà công vụ, phá dỡ công trình cũ, nâng cấp cải tạo các hạng mục phụ trợ				1.030	-	0,00%
I.20	Dự án chưa phân khai				2.000.289	-	0,00%
I.21	Ban thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng Du lịch (GMS)	183	-	0,00%			
1	Dự án "phát triển hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện cho khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng" gồm: Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang - Hòn Phụ Tử và tiểu dự án Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích quốc gia)	183	-	0,00%			
I.22	Sở Thông tin Truyền thông	767	-	0,00%	-	-	-
1	Dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh	47	-	0,00%			
2	7941404 - Xây dựng cổng dữ liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang	500	-	0,00%			
3	Xây dựng hệ thống tổng đài tự động phục vụ người dân, doanh nghiệp trên cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang	220	-	0,00%			
I.23	Sở Nội vụ	1.569	329	0,00%	-	-	-
1	Cải tạo, mở rộng Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	1.569	329	0,00%			
I.24	Sở Y Tế	14.542	641	0,00%	142	141	99,44%

STT	Nội dung	Kế hoạch và giải ngân vốn kế hoạch các năm trước được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024			Kế hoạch và giải ngân năm 2024		
		Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ	Kế hoạch	Giải ngân	Tỷ lệ
1	7420502 - Bệnh viện đa khoa Kiên Giang (1020 giường)	14.542	641	4,41%			
2	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị Trung tâm y tế thành phố Phú Quốc				142	141	99,44%
I.25	Vườn Quốc gia Phú Quốc				3.033	-	0,00%
1	Xây dựng tuyến đường Vành Đai bao quanh vườn Quốc gia Phú Quốc giai đoạn 1				3.033	-	0,00%
II	Huyện, thành phố quản lý	1.089.059	183.167	16,8%	4.984.747	1.900.356	38,12%
1	Huyện Vĩnh Thuận	28.163	19.835	70,43%	303.084	117.933	38,91%
2	Huyện Hòn Đất	894	196	21,92%	274.845	125.440	45,64%
3	Huyện Gò Quao	18.554	7.850	42,31%	286.820	126.100	43,96%
4	Huyện An Minh	24.285	6.370	26,23%	244.945	112.906	46,09%
5	Huyện Kiên Hải	4.377	1.066	24,35%	106.744	49.744	46,60%
6	Huyện An Biên	39.553	28.972	73,25%	252.349	91.823	36,39%
7	Huyện Châu Thành	213.581	83.118	38,92%	184.952	73.685	39,84%
8	Huyện Kiên Lương	158.019	6.642	4,20%	381.928	105.400	27,60%
9	Huyện Tân Hiệp	14.721	6.090	41,37%	125.442	76.389	60,90%
10	Thành phố Phú Quốc	116.841	468		323.574	166.052	51,32%
11	Huyện Giồng Riềng	4.932	3.988	80,85%	266.658	134.977	50,62%
12	Thành phố Hà Tiên	3.406	482		908.256	192.430	21,19%
13	Huyện U Minh Thượng	23.682	9.132	38,56%	109.567	64.302	58,69%
14	Thành phố Rạch Giá	433.834	6.876	1,58%	1.069.967	382.186	35,72%
15	Huyện Giang Thành	4.217	2.082	49,37%	145.616	80.989	55,62%
	NGUỒN DỰ PHÒNG NSTW	500.000	268.168	53,63%	-	-	-
I	Dự án do tỉnh quản lý	500.000	268.168	53,63%	-	-	-
I.1	Ban quản lý Nông nghiệp và PTNT	500.000	268.168	53,63%	-	-	-
1	8072698 - Đầu tư xử lý sạt lở bờ biển huyện Hòn Đất (CBĐT)	250.000	151.625	60,65%			
2	8072699 - Phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển đoạn Thứ Hai - Xẻo Bần thuộc An Biên - An Minh (CBĐT)	250.000	116.543	46,62%			

17.683

